

PHỤ LỤC 1
BẢNG DỰ KIẾN ĐỀ XUẤT DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ GIAI ĐOẠN 2026-2030
(Kèm theo Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 14/7/2026 của Hội đồng Nhân dân xã Minh Đức)

STT	Ngành, lĩnh vực (Ngành, lĩnh vực theo Nghị định 85/2025/NĐ-CP)	Mã quan hệ ngân sách	Danh mục dự án	Thông tin Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư (hoặc Văn bản chấp thuận lập hồ sơ chủ trương đầu tư đối với dự án dự kiến triển khai giai đoạn 2026-2030)/Quyết định duyệt dự án đầu tư										Năm đầu tiên bố trí vốn "thực hiện dự án"	Lấy kế vốn bố trí từ đầu tư án đến hết năm 2025		Lấy kế giải ngân từ đầu dự án đến năm 2025 (số giải ngân 2024 kéo dài và 2025 là số ước)		Vốn bố trí còn thiếu so với TMDT		Nhu cầu kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026-2030			
				Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư			Quyết định duyệt dự án đầu tư								Tổng số (tất cả các nguồn vốn Tỉnh, Xã, Khác)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn Tỉnh, Xã, Khác)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn Tỉnh, Xã, Khác)	Trong đó: NS tỉnh	Trong đó: (tất cả các nguồn vốn Tỉnh, Xã, Khác)	Trong đó: NS tỉnh	Vốn CBBT	
				Số/ngày	TMDT		Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian		Số/ngày	TMDT												Trong đó: NS huyện
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn Tỉnh, Xã, Khác)	Trong đó: NS tỉnh			Khởi công	Hoàn thành		Tổng số (tất cả các nguồn vốn Tỉnh, Xã, Khác)	Trong đó: NS huyện											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20 =13-18	21=14-19	22	23	24	
			TỔNG CỘNG		1.094.160	1.094.160	-	-	-	-	-	1.094.160	-	-	-	-	-	-	-	-	1.094.160	1.094.160	65.650	
A			Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang 2026-2030																					
B			KHỞI CÔNG MỚI GIAI ĐOẠN 2026-2030																					
1	Giáo dục Đào tạo				107.000	107.000	-	-				107.000									107.000	107.000	6.420	
1.1			Xây dựng 11 phòng (4 phòng học, khối phòng học tập 4 phòng, Khối phòng hỗ trợ học tập 1 phòng, khối phòng phụ trợ 2 phòng) và mua sắm trang thiết bị kèm theo khối tiểu học trường TH&THCS An Phú		30.500	30.500	xã Minh Đức	Xây dựng 11 phòng (4 phòng học, khối phòng học tập 4 phòng, Khối phòng hỗ trợ học tập 1 phòng, khối phòng phụ trợ 2 phòng) và mua sắm trang thiết bị	2028	2029		30.500		2028							30.500	30.500	1.830	
1.2			Xây dựng 14 phòng (1 phòng học, khối phòng học tập 6 phòng, khối phòng khối phòng hỗ trợ học tập 4 phòng, khối phụ trợ 3 phòng) và 01 nhà đa năng 700 m2 đồng thời mua sắm trang thiết bị khối THCS trường TH&THCS An Phú		32.500	32.500	xã Minh Đức	Xây dựng 14 phòng (1 phòng học, khối phòng học tập 6 phòng, khối phòng khối phòng hỗ trợ học tập 4 phòng, khối phụ trợ 3 phòng) và 01 nhà đa năng 700 m2 đồng thời mua sắm trang thiết bị	2027	2028		32.500		2027							32.500	32.500	1.950	
1.3			Xây dựng 6 phòng (khối phòng học tập 4 phòng, khối phòng khối phòng hỗ trợ học tập 2 phòng) và mua sắm trang thiết bị khối tiểu học trường TH&THCS Minh Đức		16.000	16.000	xã Minh Đức	Xây dựng 6 phòng (khối phòng học tập 4 phòng, khối phòng khối phòng hỗ trợ học tập 2 phòng) và mua sắm trang thiết bị	2027	2028		16.000		2027							16.000	16.000	960	
1.4			Xây dựng 12 phòng (1 phòng học, khối phòng học tập 2 phòng, khối phòng hỗ trợ học tập 1 phòng, khối phụ trợ 3 phòng, khối phòng hành chính quản trị 5 phòng) và mua sắm thiết bị kèm theo trường MN An Phú		28.000	28.000	xã Minh Đức	Xây dựng 12 phòng (1 phòng học, khối phòng học tập 2 phòng, khối phòng hỗ trợ học tập 1 phòng, khối phụ trợ 3 phòng, khối phòng hành chính quản trị 5 phòng) và mua sắm thiết bị	2027	2028		28.000		2026							28.000	28.000	1.680	
2	Môi trường				30.000	30.000						30.000									30.000	30.000	1.800	
2.1			Xây dựng Bãi rác tập trung		30.000	30.000	xã Minh Đức	Xây dựng 01 bãi rác tập trung dạng chôn lấp, quy mô xây dựng 04 ha (bao gồm chi phí bồi thường)	2028	2030		30.000		2028							30.000	30.000	1.800	
3	Giao thông, hạ tầng khu dân cư				347.160	347.160						347.160									347.160	347.160	20.830	

3.1			Xây dựng đường nhựa giáp xã Tân khai đi tây QL13		120.000	120.000	xã Minh Đức	Chiều dài tuyến khoảng 9km; đường rộng 12,0m. Kết cấu bằng bê tông nhựa nóng trên lớp móng cấp phối đá dăm. Xây dựng hệ thống thoát nước dọc, ngang đường	2029	2030		120.000		2029						120.000	120.000	7.200
3.2			Xây dựng đường nhựa ĐH Minh Đức đi Tổng Lê Chân		50.000	50.000	xã Minh Đức	Chiều dài tuyến khoảng 6,2km; đường rộng 8,0m. Kết cấu bằng bê tông nhựa nóng trên lớp móng cấp phối đá dăm. Xây dựng hệ thống thoát nước dọc, ngang đường	2028	2030		50.000		2028						50.000	50.000	3.000
3.3			Xây dựng đường nhựa An Phú đi Phường Bình Long		30.000	30.000	xã Minh Đức	Chiều dài tuyến khoảng 3km; mặt đường rộng 6,0m; nền đường rộng 8,0m. Kết cấu mặt đường bằng bê tông nhựa nóng trên lớp móng cấp phối đá dăm. Xây dựng hệ thống thoát nước dọc, ngang, hệ thống ATGT.	2028	2029		30.000		2028						30.000	30.000	1.800
3.4			Xây dựng đường nhựa Sóc Váng đi ấp 4		60.000	60.000	xã Minh Đức	Chiều dài tuyến khoảng 7,0km; mặt đường rộng 6,0m; nền đường rộng 8,0m. Kết cấu mặt đường bằng bê tông nhựa nóng trên lớp móng cấp phối đá dăm. Xây dựng hệ thống thoát nước dọc, ngang, hệ thống ATGT.	2028	2030		60.000		2028						60.000	60.000	3.600
3.5			Xây dựng đường nhựa ấp Chà Lon (đoạn từ cầu ông Bốn Đồng Dầu kết nối phường Tân khai)		30.000	30.000	xã Minh Đức	Chiều dài tuyến khoảng 8,0km; mặt đường rộng ,6,0m; nền đường rộng 8,0m. Kết cấu mặt đường bằng láng nhựa 3 lớp dày 3,5cm, lớp móng cấp phối đá dăm. Xây dựng hệ thống thoát nước dọc, ngang, hệ thống ATGT.	2028	2030		30.000		2028						30.000	30.000	1.800
3.6			Xây dựng đường nhựa tổ 9 ấp Chà Lon		16.000	16.000	xã Minh Đức	Chiều dài tuyến khoảng 4,0km; mặt đường rộng ,6,0m; nền đường rộng 8,0m. Kết cấu mặt đường bằng láng nhựa 3 lớp dày 3,5cm, lớp móng cấp phối đá dăm. Xây dựng hệ thống thoát nước dọc, ngang, hệ thống ATGT.	2028	2029		16.000		2028						16.000	16.000	960
3.7			Xây dựng đường BTXM rộng 5m tuyến đường tổ 7,9,13,10,20 thuộc ấp 1A		8.160	8.160	xã Minh Đức	Chiều dài tuyến khoảng 5,1km; đường rộng 5,0 m. Kết cấu bằng BTXM mác 200, lớp móng cấp phối đá dăm. Xây dựng hệ thống thoát nước dọc, ngang đường	2027	2027		8.160		2027						8.160	8.160	490
3.8			Xây dựng đường nhựa ấp 1 đi sóc 5 xã Minh Đức (đoạn chùa Từ nghiêm)		7.600	7600	xã Minh Đức	Chiều dài tuyến khoảng 1,9 km; đường rộng 6,0 m. Kết cấu bằng bê tông nhựa nóng trên lớp móng cấp phối đá dăm. Xây dựng hệ thống thoát nước dọc, ngang đường	2029	2030		7.600		2029						7.600	7.600	456
3.9			Nâng cấp đường sỏi Đường tổ 4,5,7 ấp Bình Phú		7.000	7.000	xã Minh Đức	Chiều dài tuyến khoảng 1,9 km; đường rộng 6,0 m. Kết cấu bằng bê tông nhựa nóng trên lớp móng cấp phối đá dăm. Xây dựng hệ thống thoát nước dọc, ngang đường	2028	2028		7.000		2028						7.000	7.000	420
3.10			Xây dựng đường nhựa ấp Sóc Rul đi Bình Phú		10.400	10400	xã Minh Đức	Chiều dài tuyến khoảng 2,6 km; đường rộng 6,0 m. Kết cấu bằng bê tông nhựa nóng trên lớp móng cấp phối đá dăm. Xây dựng hệ thống thoát nước dọc, ngang đường	2028	2028		10.400		2028						10.400	10.400	624

3.11			Xây dựng đường nhựa tổ 5,6 Sóc Rul đi ấp 4		8.000	8000	xã Minh Đức	Chiều dài tuyến khoảng 2,0 km; đường rộng 6,0 m. Kết cấu bằng bê tông nhựa nóng trên lớp móng cấp phối đá dăm. Xây dựng hệ thống thoát nước dọc, ngang đường	2028	2029		8.000		2028							8.000	8.000	480
4	Nông nghiệp và PTNT				220.000	220.000						220.000									220.000	220.000	13.200
4.1			Xây dựng Hồ Suối Đá		80.000	80.000	xã Minh Đức	Tạo cảnh quan khu vực, phục vụ tưới 175ha,	2027	2028		80.000		2029							80.000	80.000	4.800
4.2			Xây dựng Hồ Suối Trâu		80.000	80.000		Tạo cảnh quan khu vực, phục vụ tưới 130ha, cấp nước 3000m3/ đêm	2028	2029		80.000		2029							80.000	80.000	4.800
4.3			Xây dựng hồ Đức Thịnh		60.000	60.000		Tạo cảnh quan khu vực, phục vụ tưới 110ha	2029	2030		60.000		2029							60.000	60.000	3.600
5	Chính trị - Xã hội				390.000	390.000						390.000									390.000	390.000	23.400
5.1			Xây dựng trung tâm hành chính - chính trị xã Minh Đức		350.000	350.000	xã Minh Đức	Xây dựng mới trung tâm hành chính chính trị UBND xã Minh Đức	2028	2030		350.000		2028							350.000	350.000	21.000
5.2			Xây dựng nhà thi đấu đa năng xã Minh Đức		40.000	40.000	xã Minh Đức	Xây dựng mới nhà thi đấu đa năng	2029	2030		40.000		2030							40.000	40.000	2.400